

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 515/2018/HSPT

Ngày 25 tháng 9 năm 2018

“Nguyễn Thành T và đồng phạm
Trộm cắp tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng An Thanh

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 405/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thành T2 do bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2018/HSST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thành T2 (Tên gọi khác: B), sinh năm 1974 tại Thành phố H; Nơi thường trú: 72/306 Trương Quyền, Phường 5. Quận 3, Thành phố H; Nơi ở: Sông lang thang; Trình độ học vấn: Không biết đọc, viết; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn Quang (chết) và bà Nguyễn Thị Bê (chết); Vợ Tổng Thị Thanh Thủy, có 01 con sinh năm 1997; Tiền án: Bản án số 72/HSST ngày 21/5/1993 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố H phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, chấp hành xong ngày 09/7/1993; Bản án số 952/HSST ngày 31/8/1994 của Tòa án nhân dân Thành phố H phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong; Bản án số 1599/HSST ngày 06/9/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố H phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bản án số 455/1997/HSST ngày 11/12/1997 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H phạt 02 năm 6 tháng tù

về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp với Bản án số 1599/HSST ngày 06/9/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố H, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 6 tháng tù. Bản án số 235/2007/HSST ngày 17/8/2007 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố H phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong ngày 23/12/2010. Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2015 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị cáo Đỗ Quang T1 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 8/2015 đến ngày 08/10/2015, Nguyễn Thành T2 và Đỗ Quang T1 rủ nhau trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể:

Vụ thứ Nhất: Khoảng 16 giờ ngày 08/10/2015, T2 điều khiển xe mô tô Vision chở T1 đến bãi xe số 34 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố H phát hiện một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 70L7-3499 dựng cặp lề lộ không ai trông coi. T2 dừng xe đưa cho T1 cây đoản và cảnh giới cho T1 dùng đoản bẻ khóa lấy xe trên chạy về khách sạn 287/25 Chu Văn An, Phường 12, quận B (nơi T2 thuê ở), rồi T2 điều khiển xe vừa trộm được đến nhà số 92 Nguyễn Khuyến, Phường 12, quận B định gửi xe cho anh Nguyễn Huy C, nhưng chưa kịp gửi thì Công an bắt và thu giữ xe trên. Riêng T1 điều khiển xe Vision về nhà. Qua điều tra, định giá xác định xe Yamaha Sirius, biển số 70L7-3499 là của anh Phạm Hoàng G có giá trị là 7.000.000 đồng. Ngày 03/02/2016, Cơ quan điều tra đã trao trả xe cho anh anh G xong.

Vụ thứ 2: Khoảng tháng 9/2015, T2 điều khiển xe mô tô chở T1 thấy xe mô tô Yamaha Mio Classico, biển số 70L1-225.91 đang dựng trước nhà số 92/30 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3 không ai trông coi. T2 dừng xe cho T1 cảnh giới, còn T2 dùng đoản bẻ khóa lấy xe tẩu thoát. Sau đó T2 mang xe vừa lấy được đi đâu không rõ, không thu hồi được xe. T1 không được chia tiền. T2 không thừa nhận có tham gia vụ này. Kết quả điều tra, định giá xác định xe trên của chị Trần Thị D đứng tên chủ sở hữu bán cho người mua cuối cùng là chị Chaya Rivkah C (quốc tịch Mỹ), trị giá 5.500.000 đồng.

Vụ thứ 3: Ngày 09/9/2015, T2 điều khiển xe gắn máy chở T1 thấy xe mô tô Wave, biển số 86B1-022.50 dựng trước nhà số 243/46 Chu Văn An, Phường

12, quận B không người trông coi. T2 dừng xe cho T1 cảnh giới, còn T2 dùng đoạn bẻ khóa lấy xe tẩu thoát. Sau đó T2 mang xe vừa lấy được đi đâu không rõ, không thu hồi được xe. T1 không được chia tiền. T2 không thừa nhận có tham gia vụ này. Kết quả điều tra, định giá xác định xe trên trị giá 4.000.000 đồng của chị Trần Thị Bảo A cho chị ruột là Trần Thị Bảo P mượn và chồng chị P là Nguyễn Văn T3 sử dụng.

Vụ thứ 4: Ngày 17/9/2015, T2 điều khiển xe gắn máy chở T1 thấy xe mô tô Honda Future, biển số 59S2-103.67 dựng trước nhà số 202/2 Nguyễn Xí, Phường 26, quận B không người trông coi. T2 dừng xe cho T1 cảnh giới, còn T2 dùng đoạn bẻ khóa lấy xe tẩu thoát. Sau đó T2 mang xe vừa lấy được đi đâu không rõ, không thu hồi được xe. T1 không được chia tiền. T2 không thừa nhận có tham gia vụ này. Kết quả điều tra, định giá xác định xe trên trị giá 15.000.000 đồng của anh Lê Trung H1 cho chị Nguyễn Thị H2 mượn sử dụng.

Vụ thứ 5: Ngày 10/9/2015, T2 điều khiển xe gắn máy chở T1 thấy xe mô tô Honda Wave RSX, biển số 63B6-141.27 dựng trong bãi xe trước nhà số 02 Nguyễn Hoàng, phường An Phú, Quận 2 không người trông coi. T2 dừng xe cho T1 cảnh giới, còn T2 dùng đoạn bẻ khóa lấy xe tẩu thoát. Sau đó T2 mang xe vừa lấy được đi đâu không rõ, không thu hồi được xe. T1 không được chia tiền. T2 không thừa nhận có tham gia vụ này. Kết quả điều tra, định giá xác định xe trên trị giá 11.500.000 đồng của chị Lê Thị Kim C đứng tên chủ sở hữu bán cho người mua cuối cùng là Phạm Thị Huỳnh N.

Tại bản Cáo trạng số 139/CT-VKS-P2 ngày 05/4/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H đã truy tố Nguyễn Thành T2 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự và truy tố Đỗ Quang T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2018/HSST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Đỗ Quang T1 03 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; quyết định về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2018, bị cáo Nguyễn Thành T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thành T2 khai nhận bị cáo chỉ thực hiện một vụ trộm ngày 08/10/2015, bị cáo không có thực hiện 4 vụ còn lại. Bị cáo ký tên vào bản cung mà không biết trong đó viết những gì. Bị cáo chỉ trộm 01 vụ thì bị bắt, nên xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét bị cáo cho rằng bị cáo chỉ thực hiện một vụ trộm ngày 08/10/2015 vì bị bắt quả tang không thể chối cãi, còn 04 vụ còn lại bị cáo cho rằng không tham gia, tuy nhiên kết quả điều tra đã chứng minh bị cáo thực hiện 05 vụ trộm như án sơ thẩm đã xử, nên lời nại ra của bị cáo là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không thành khẩn khai báo nên không có tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tuy bị cáo Nguyễn Thành T2 chỉ thừa nhận cùng với bị cáo Đỗ Quang T1 thực hiện một vụ trộm vào ngày 08/10/2015, nhưng tại nhiều biên bản ghi lời khai ban đầu khi mới bị phát hiện vào ngày 09/10/2015, ngày 15/10/2015 (Bút lục 101, 102, 105-110) bị cáo khai đã cùng với T1 thực hiện rất nhiều vụ trộm xe mô tô, lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo Đỗ Quang T1, phù hợp với lời khai của những người bị hại, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định từ tháng 8 năm 2015 đến ngày 08/10/2015, bị cáo Nguyễn Thành T2 cùng với Đỗ Quang T1 thực hiện 05 vụ trộm xe mô tô tổng trị giá 43.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, gây tác động rất xấu đến trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có quá trình nhân thân rất xấu, nhiều lần bị xử phạt về các hành vi chiếm đoạt tài sản, đã tái phạm chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý, trong thời gian ngắn thực hiện nhiều vụ trộm, lấy việc trộm làm nguồn thu nhập chính để nuôi sống bản thân. Do đó, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian dài mới

đảm bảo tác dụng răn đe phòng ngừa chung. Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 06 năm tù là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo vẫn quanh co không thành khẩn, chỉ khai nhận hành vi bị bắt quả tang không thể chối cãi nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử phạt bị cáo Đỗ Quang T1; về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng các điểm b, c khoản 2, Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 193/2018/HSST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố H;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Buộc bị cáo Nguyễn Thành T2 phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử phạt bị cáo Đỗ Quang T1; về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân TP.H;
- VKSND TP.H;
- Công an TP.H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp TP.H;
 - Cục THADS TP.H;
 - Trại tạm giam Công an TP.H
- (Trại tạm giam Công an TP.H tổng đạt
cho bị cáo);
- Lưu.

Phạm Văn Công

